

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Xuân N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: xã TTH, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Mã Văn P, sinh năm 1973; Nơi cư trú: xã TTH, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Xuân N trình bày: Chị và anh Mã Văn P cưới nhau năm 2002 không có đăng ký kết hôn, hôn nhân không có tìm hiểu trước mà do mai mối. Thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng cũng hạnh phúc và có được 02 con chung. Tuy nhiên, từ khi sinh cháu thứ hai thì vợ chồng bắt đầu có sự mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế của gia đình và anh P nhiều lần đánh chị, chị có báo công an xã và có mời anh P đến làm việc nhưng anh P vẫn đánh chị và vợ chồng ly thân khoảng 10 năm nay. Vợ chồng cũng có nhiều lần hàn gắn lại cũng không được nên chị yêu cầu ly hôn với anh P. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Mã Kim T, sinh ngày 20/12/2003, Mã Văn S, sinh ngày 28/6/2009, hiện sống với anh P, chị đồng ý cho anh P tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Mã Văn P, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Xuân N và anh Mã Văn P; Về con chung: Giao 02 con chung tên Mã Kim T, sinh ngày 20/12/2003, Mã Văn S, sinh ngày 28/6/2009 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đề cập đến; Về nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Xuân N và anh Mã Văn P tuy sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2002 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

[3] Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.”*

[4] Do đó, chị N và anh P không có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Lê Thị Xuân N và anh Mã Văn P là vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;...”*

[5] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Xuân N đồng ý để anh Mã Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Mã Kim T, sinh ngày 20/12/2003, Mã Văn S, sinh ngày 28/6/2009, hiện 02 cháu đang sống với anh P và chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, 02 cháu T và S từ khi chị N và anh P không còn sống chung và hiện nay đều do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng và để ổn định việc sinh hoạt của 02 cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P chưa có văn bản yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Nếu anh P có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Xuân N cho rằng đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Mã Văn P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Lê Thị Xuân N cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Mã Văn P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Xuân N và anh Mã Văn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Anh Mã Văn P được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Mã Kim T, sinh ngày 20/12/2003, Mã Văn S, sinh ngày 28/6/2009.

2.2. Chị Lê Thị Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Xuân N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo

biên lai thu số 0012973 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, chị N không phải nộp thêm.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng